**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN PHÚ GIÁO**
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 25/4/2019

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Vũ Thị Chang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Bà Trần Thị Kim Oanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan T S, sinh ngày 22/7/1997 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh S và bà Phan Thị M; bị cáo sống chung như vợ chồng với bà Lê Ngọc H, sinh năm 1996 (không đăng ký kết hôn) và 01 người con; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 21/9/2018 bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 282/QĐ-XPVPHC; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2019 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*:

Ông Trịnh V L, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

Ông D. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 08/02/2019, bị cáo Phan T S đi ngang qua nhà ông Trịnh V L ở Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương, thấy nhà ông L không khóa cửa nên bị cáo nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. Bị cáo đi vào bên trong nhà ông L nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 61F1-xxxx vẫn còn chìa khóa cắm trong ổ khóa nhưng không có người trong nhà, bị cáo đẩy chiếc xe mô tô biển số 61F1-xxxx ra ngoài đường, khởi động máy rồi điều khiển xe đến một căn nhà hoang ở nghĩa trang thuộc ấp A, xã B cất giấu. Đến khoảng 16 giờ ngày 09/02/2019, bị cáo S đi bộ đến nơi cất giấu xe, định mang đi tiêu thụ thì bị ông D phát hiện báo Công an xã B và bị Công an xã B bắt giữ. Quá trình làm việc, bị cáo Phan T S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Giáo ngày 12/02/2019, kết luận: Xe mô tô biển số 61F1 – xxxx, số khung Y..., số máy abcd, mua năm 2011 có giá trị thực tế được Hội đồng định giá xác định là 6.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 61F1-xxxx của ông Trịnh V L. Đây là tài sản hợp pháp của ông L, cơ quan điều tra đã giao trả chiếc xe trên cho ông L.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSPG, ngày 27/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã truy tố Phan T S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự).

Bị hại ông Trịnh V L trình bày: Ngày 08/02/2019 ông bị mất 01 chiếc xe mô tô biển số 61F1-xxxx nên đến công an trình báo. Cơ quan điều tra đã thu hồi được xe và trả lại cho ông. Về trách nhiệm dân sự ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự thì ông L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng ông D trình bày: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 09/02/2019, ông đang chăn bò tại nghĩa trang Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nhìn thấy một thanh niên và một chiếc xe máy có nhiều biểu hiện nghi vấn nên ông gọi điện báo công an xã B. Sau đó, ông được biết người thanh niên đó tên S đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy mà ông nhìn thấy ở nghĩa trang ấp A, xã B.

Tại phiên tòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương thực hành quyền công tố vẫn nguyên quyết định truy tố của Cáo trạng và nêu quan điểm: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Phan T S phạm tội Trộm cắp tài sản và áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan T S từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng không đề cập đến.

Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị hại Trịnh V L, người làm chứng ông D vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không ai đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa, hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của ông L, ông D trong quá trình điều tra đã đầy đủ, việc ông L, ông D vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do đó căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L, ông D.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 08/02/2019, bị cáo Phan T S lợi dụng sự sơ hở của ông Trịnh V L nên đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển số 61F1-xxxx của ông L. Tại bản kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự ngày 12/02/2019, kết luận: Xe mô tô biển số 61F1 – xxxx, số khung Y..., số máy abcd có giá trị là 6.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự công cộng trong khu vực. Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 21/9/2018, bị cáo không tu dưỡng, sửa đổi bản thân mà còn tiếp tục có hành vi phạm tội thể hiện ý chí coi thường pháp luật. Do đó, HĐXX xem xét quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nêu gương, phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, HĐXX xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu

hồi trả lại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trịnh V L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX ghi nhận và không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển số 61F1 – xxxx, số khung Y..., số máy abcd, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại L đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phan T S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Phan T S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan T S 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/02/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phan T S phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Tân Long, huyện Phú Giáo;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**